

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 07/9/2020

*V/v Tranh chấp hôn nhân gia  
đình.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các thẩm phán:*

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Ông Ong Thân Thắng.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 07/5/2020, về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

Do bản án sơ thẩm số 15/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐ-PT ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1988.

HKTT: thôn Chóp, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Giáp Ngũ, xã Mai Đình, huyện H, tỉnh B (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Trần Giáp Th1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn Chóp, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh B (có mặt).

**- Người kháng cáo:** Anh Trần Giáp Th1- là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị Th trình bày:*

Chị và anh Trần Giáp Th1 kết hôn với nhau có tìm hiểu và trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Ph, huyện H, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Th1 làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh Th1. Tình cảm vợ chồng bình thường được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th1 chơi bời, cờ bạc, chị và gia đình đã can ngăn nhưng không được dẫn tới vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển ra khỏi nhà anh Th1 từ tháng 09/2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh Th1, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh Th1, đề nghị Tòa giải quyết để chị được ly hôn anh Th1.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012, hiện nay các cháu đang ở cùng anh Th1, các cháu vẫn phát triển bình thường, nay ly hôn chị đồng ý để anh Th1 được tiếp tục nuôi 02 con chung của vợ chồng là cháu Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và cháu Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012 theo nguyện vọng của các cháu và yêu cầu của anh Th1. Về cấp dưỡng nuôi con anh Th1 yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Th1 hàng tháng theo quy định của pháp luật là 750.000đ/1 con/1 tháng tính từ thời điểm hiện nay cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn, chị đồng ý.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Giáp Th1 trình bày:***

Anh và chị Đinh Thị Th kết hôn với nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Ph, huyện H. Sau khi kết hôn chị Th về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng bình thường được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị Th đã chuyển ra khỏi nhà anh từ tháng 09/2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm của anh đối với chị Th không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được. Tuy nhiên, anh yêu cầu

chị Th phải thỏa thuận rõ với anh về tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án có quyết định giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Th để anh có toàn quyền quyết định toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng sau khi vợ chồng ly hôn thì anh mới đồng ý ly hôn chị Th, vì vậy chị Th làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012, hiện nay các cháu đang ở cùng anh, các cháu vẫn phát triển bình thường, nay ly hôn anh và chị Th thỏa thuận để anh được tiếp tục nuôi cả 02 con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con anh yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh theo quy định của pháp luật là 750.000đ/1con/1 tháng tính từ thời điểm hiện nay cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh yêu cầu chị Th phải thỏa thuận rõ với anh về tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án có quyết định giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Th để anh có toàn quyền quyết định toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng sau khi vợ chồng ly hôn thì anh mới đồng ý ly hôn chị Th, tuy nhiên anh không yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác về việc Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án vì anh là bị đơn, chị Th là nguyên đơn thì chị Th phải có nghĩa vụ yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 15/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Trần Giáp Th1.

Về con chung: Giao anh Trần Giáp Th1 trực tiếp nuôi cháu Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012. Chị Đinh Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th1 hàng tháng, mỗi tháng là 750.000đ/1con/1 tháng, cả 02 con là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, tính từ tháng 5/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Chị Đinh Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đinh Thị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003511 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Đinh Thị Th còn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 18/5/2020, anh Trần Giáp Th1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Đề nghị xem xét lại việc ly hôn giữa anh và chị Th, xem xét mức cấp dưỡng nuôi con và tài sản của hai vợ chồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Trần Giáp Th1 trình bày: Anh cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể chung sống với nhau. Tuy nhiên, anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về việc ly hôn với lý do bản án sơ thẩm chưa xem xét về việc phân chia tài sản chung của hai vợ chồng mà đã giải quyết cho ly hôn thì anh không nhất trí. Ngay từ ban đầu anh đã có đề nghị giữa anh và chị Th phải thỏa thuận xong việc phân chia tài sản rõ ràng trước ly hôn. Anh và chị Th thống nhất thỏa thuận lại về con chung, giao cho chị Th trực tiếp nuôi con chung Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007, anh trực tiếp nuôi con chung Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra. Anh vẫn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc ly hôn giữa anh và chị Th và tài sản chung.

- Chị Đinh Thị Th trình bày: Chị không đồng ý kháng cáo của anh Th1, chị xác định quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Th1 đã trầm trọng. Chị thống nhất thỏa thuận với anh Th1 về vấn đề con chung, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007, anh Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị giải quyết. Vấn đề tài sản chung chị không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Th1. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm về thỏa thuận nuôi con chung của anh Th1 và chị Th. Không chấp nhận kháng cáo của anh Th1 về quan hệ hôn nhân và tài sản. Anh Th1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Trần Giáp Th1 được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 ; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó kháng cáo của anh Trần Giáp Th1 là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Giáp Th1, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, HĐXX thấy:  
Anh Trần Giáp Th1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc ly hôn giữa anh và chị Th, xem xét lại mức cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Th, anh Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Đến tháng 9/2019 thì chị Th đã chuyển hẳn ra khỏi nhà và về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay vợ chồng chính thức ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Cả chị Th và anh Th1 đều xác định không còn tình cảm gì với nhau nữa, ban đầu anh Th1 đồng ý ly hôn, sau đó thay đổi ý kiến, anh Th1 yêu cầu chị Th phải thỏa thuận để anh Th1 được toàn quyền quyết định về tài sản chung của vợ chồng trước thì mới đồng ý ly hôn. Việc chị Th và anh Th1 đều xác định không còn tình cảm gì và không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Th1 yêu cầu chị Th phải thỏa thuận xong về tài sản thì mới đồng ý ly hôn nhưng anh không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị Th cũng không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung. Nên đây chỉ là lý do của anh Th1 gây khó khăn cho chị Th trong việc giải quyết ly hôn. Do vậy, kháng cáo của anh Th1 về nội dung này là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho chị Th được ly hôn anh Th1 là phù hợp và có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc áp dụng điều luật, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình quy định về thuận tình ly hôn để cho chị Th được ly hôn anh Th1 là không chính xác, mà cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về nội dung này.

- Về nội dung kháng cáo xem xét lại mức cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Th1 và chị Th thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung, chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007. Anh Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012. Vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung này.

- Về nội dung kháng cáo xem xét giải quyết tài sản chung: Tại cấp sơ thẩm anh Th1 yêu cầu chị Th phải thỏa thuận rõ với anh Th1 về tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án có quyết định giải quyết việc ly hôn giữa anh Th1 và chị Th để anh Th1 có toàn quyền quyết định toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, anh Th1 không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, không có yêu cầu gì khác mà cho rằng chị Th nguyên đơn thì chị Th phải có nghĩa vụ yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản trong vụ án này. Hội đồng xét xử đã giải thích cho anh Th1 nhiều lần về nguyên tắc xét xử của cấp phúc thẩm, nên không thể công nhận tài sản riêng theo yêu cầu của anh Th1 trong vụ án này. Do các đương sự không ai có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Th1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Giáp Th1 về quan hệ hôn nhân và tài sản. Công nhận sự thỏa thuận của anh Th1 và chị Th về vấn đề con chung. Sửa bản án sơ thẩm về con chung và điều luật áp dụng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên anh Trần Giáp Th1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Giáp Th1, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Trần Giáp Th1.

2. Về con chung: Giao chị Đinh Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Giao anh Trần Giáp Th1 trực tiếp nuôi con chung Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012. Vấn đề cấp dưỡng, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Giáp Th1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- UBND xã Lương Ph, huyện H;
- LưuHS, THCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HOÀ  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **15/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 07/5/2020

V/v: Hôn nhân gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2/ Ông Trương Đức Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 369/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX- ST ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1988; HKTT: thôn Chóp, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Thôn Giáp Ngũ, xã Mai Đình, huyện H, tỉnh B- Có mặt.



- *Bị đơn:* Anh Trần Giáp Th1, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn Chóp, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 14/10/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn (chị Đinh Thị Th) trình bày:* Chị và anh Trần Giáp Th1 cưới nhau có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/3/2007 tại UBND xã Lương Ph. Sau khi cưới chị về nhà anh Th1 làm dâu ngay và sống chung sống cùng gia đình anh Th1. Tình cảm vợ chồng bình thường được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th1 chơi bời, cờ bạc, chị và gia đình đã can ngăn nhưng không được dẫn tới vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển ra khỏi nhà anh Th1 từ tháng 09/2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh Th1, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh Th1, đề nghị Tòa giải quyết để chị được ly hôn anh Th1.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012, hiện nay các cháu đang ở cùng anh Th1, các cháu vẫn phát triển bình thường, nay ly hôn chị đồng ý để anh Th1 được tiếp tục nuôi 02 con chung của vợ chồng là cháu Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và cháu Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012 theo nguyện vọng của các cháu và yêu cầu của anh Th1. Về cấp dưỡng nuôi con anh Th1 yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Th1 hàng tháng theo quy định của pháp luật là 750.000đ/1 con/1 tháng tính từ thời điểm hiện nay cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn, chị đồng ý. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn (anh Trần Giáp Th1) trình bày:* Anh và chị Đinh Thị Th cưới nhau có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/3/2007 tại UBND xã Lương Ph. Sau khi cưới chị Th về nhà anh làm dâu ngay và sống chung sống cùng gia đình. Tình cảm vợ chồng bình thường được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị Th đã chuyển ra khỏi nhà anh từ tháng 09/2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm của anh đối với chị Th không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được, tuy nhiên anh yêu cầu chị Th phải thỏa thuận rõ với anh về tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án

có quyết định giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Th để anh có toàn quyền quyết định toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng sau khi vợ chồng ly hôn thì anh mới đồng ý ly hôn chị Th, vì vậy chị Th làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012, hiện nay các cháu đang ở cùng anh, các cháu vẫn phát triển bình thường, nay ly hôn anh và chị Th thỏa thuận để anh được tiếp tục nuôi cả 02 con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con anh yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh theo quy định của pháp luật là 750.000đ/1con/1 tháng tính từ thời điểm hiện nay cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh yêu cầu chị Th phải thỏa thuận rõ với anh về tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án có quyết định giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Th để anh có toàn quyền quyết định toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng sau khi vợ chồng ly hôn thì anh mới đồng ý ly hôn chị Th, tuy nhiên anh không yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác về việc Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án vì anh là bị đơn, chị Th là nguyên đơn thì chị Th phải có nghĩa vụ yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Trần Giáp Th1.

Về con chung: Giao anh Trần Giáp Th1 trực tiếp nuôi cháu Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012. Chị Đinh Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th1 hàng tháng, mỗi tháng là 750.000đ/1con/1 tháng, cả 02 con là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, tính từ tháng 5/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Chị Đinh Thị Thùy có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đinh Thị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003511 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Đinh Thị Th còn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2019 của chị Đinh Thị Th đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp:**

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị Th và anh Trần Giáp Th1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Thùy thấy rằng:* Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: vợ chồng chị Th, anh Th1 từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống bình thường nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, chị Th xác định anh Th1 chơi bời, cờ bạc nên vợ chồng hay cãi nhau. Đến tháng 9/2019 thì chị Th đã chuyển hẳn ra khỏi nhà và về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, vợ chồng chính thức sống ly thân, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Cả chị Th và anh Th1 đều xác định không còn tình cảm gì với nhau nữa, ban đầu anh Th1 đồng ý ly hôn với chị Th, sau đó thay đổi ý kiến, anh Th1 yêu cầu chị Th phải thỏa thuận để anh Th1 được toàn quyền quyết định về tài sản chung của vợ chồng trước thì mới đồng ý ly hôn chị Th. Việc cả anh Th1 và chị Th đều xác định không còn tình cảm gì và không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa đã chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Th1 yêu cầu chị Th phải thỏa thuận xong về tài sản thì mới đồng ý ly hôn nhưng không có yêu cầu phân tố về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong khi chị Th cũng không có yêu cầu chia là gây khó khăn cho chị Th trong việc đề nghị ly hôn, thực tế quan hệ vợ chồng giữa anh Th1 và chị Th thực sự đã tan vỡ. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Trần Giáp Th1 là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị Th cần được chấp nhận.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Chị Th và anh Th1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012, hiện nay các cháu đang ở cùng anh Th1, vẫn phát triển bình thường. Ly hôn, chị Th và anh Th1 thỏa thuận và đề nghị Tòa án giải quyết để anh Th1 tiếp tục nuôi cả 02 con chung của vợ chồng, xét là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật. Vì vậy, cần giao cho anh Th1 trực tiếp nuôi cả 02 con chung của vợ chồng là cháu Trần Nhật L và Trần Thiện Nh là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Chị Th được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của hai bên thấy rằng:* Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, anh Th1 yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng anh Th1, mỗi tháng là 750.000đ/1con/1 tháng, cả 02 con là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng. Chị Th cũng nhất trí với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Th1, xét là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng anh Th1, mỗi tháng là 750.000đ/1con/1 tháng, cả 02 con là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, tính từ tháng 5/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* Tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Th1 yêu cầu chị Th phải thỏa thuận rõ với anh Th1 về tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án có quyết định giải quyết việc ly hôn giữa anh Th1 và chị Th để anh Th1 có toàn quyền quyết định toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên anh Th1 không yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác về việc Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này vì anh là bị đơn, chị Th là nguyên đơn thì chị Th phải có nghĩa vụ yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, chị Th có quan điểm nhất quán là không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy do nguyên đơn không có yêu cầu chia tài sản, bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản, vì vậy Tòa án không xem xét việc chia tài sản của vợ chồng chị Th và anh Th1 trong vụ án này. Nếu đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Trần Giáp Th1.

Về con chung: Giao anh Trần Giáp Th1 trực tiếp nuôi cháu Trần Nhật L, sinh ngày 29/11/2007 và Trần Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2012. Chị Đinh Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th1 hàng tháng, mỗi tháng là 750.000đ/1con/1 tháng, cả 02 con là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, tính từ tháng 5/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Chị Đinh Thị Thùy có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đinh Thị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2018/0003511 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chi Đình Thị Th còn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Ph;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa***

**Nguyễn Xuân Toàn**